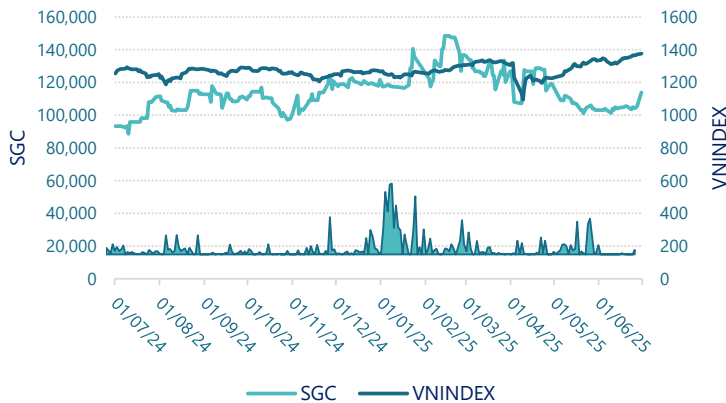




CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang (HNX: SGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	115,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	148,517
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	88,593
SL cổ phiếu LH	7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,570
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	822
P/E	8.4
EPS	13,752

DT thuần

Q2/25

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0 | 12.5%

YoY: ▼ 1.00 | -0.6%

LN sau thuế

Q2/25

34.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.10 | 25.8%

YoY: ▼ 1.50 | -4.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

21.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2025

355

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 1.1%

LN sau thuế

6T 2025

61.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.00 | -3.2%

ROE

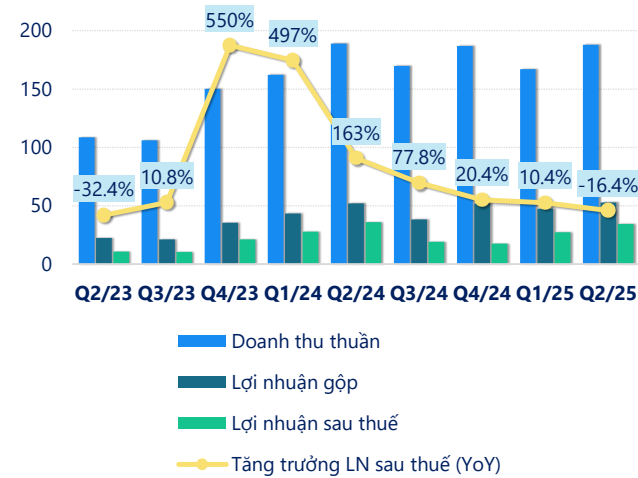
Q2/25

27.3%

+/- YoY: ▼ 8.0%

tỷ VNĐ

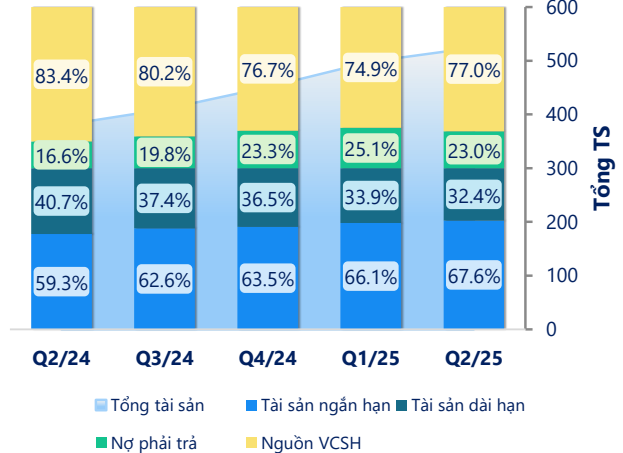
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

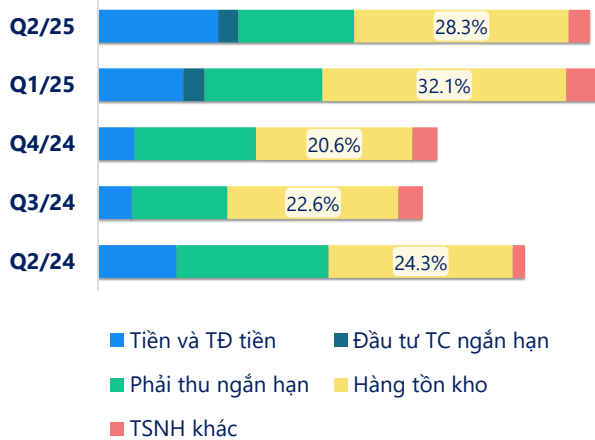
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



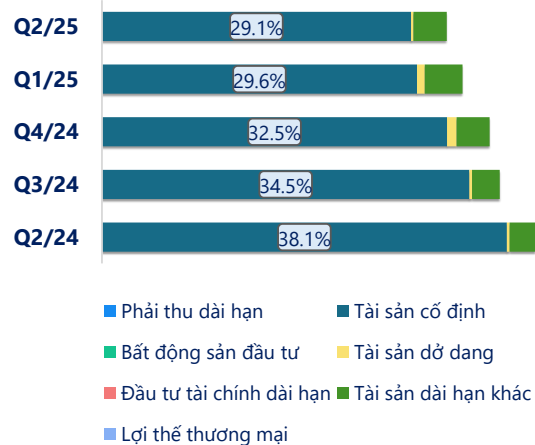
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

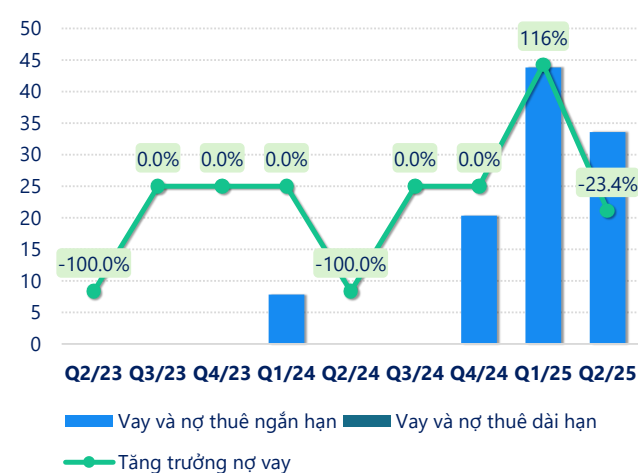
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

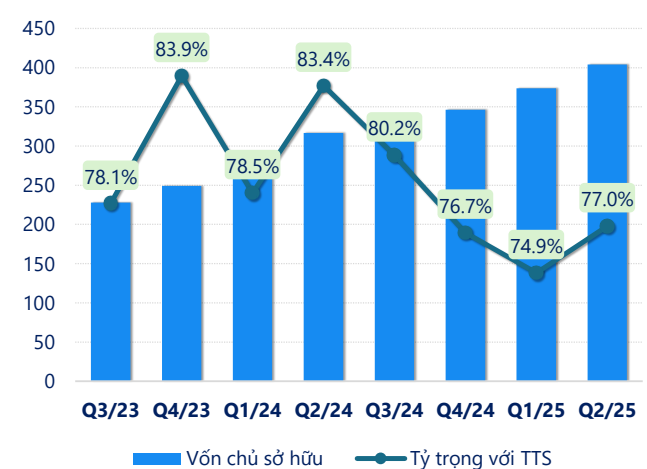
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

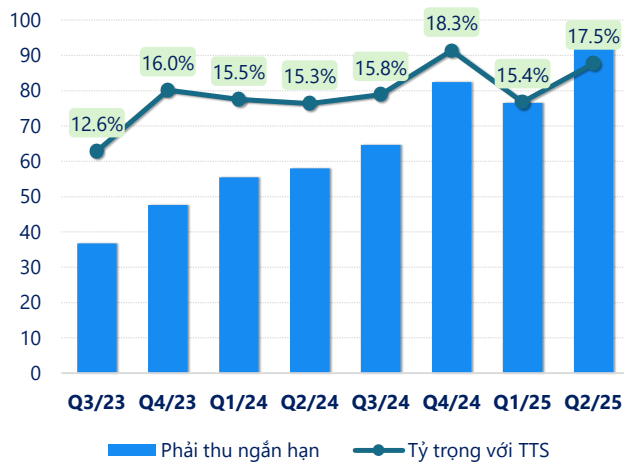
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



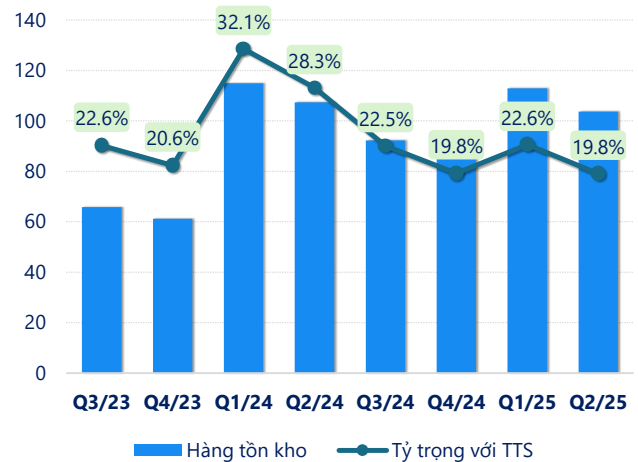
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


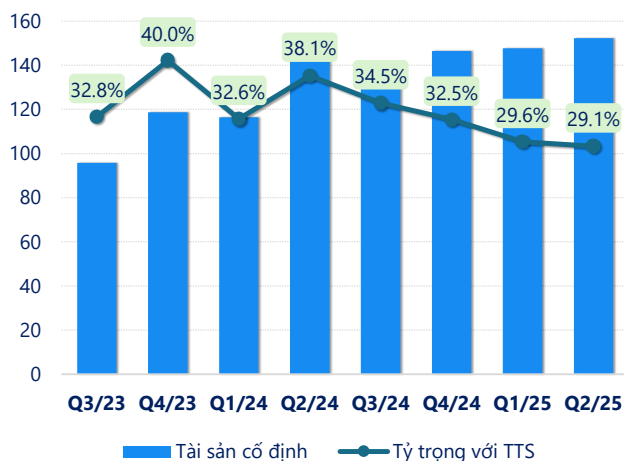
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


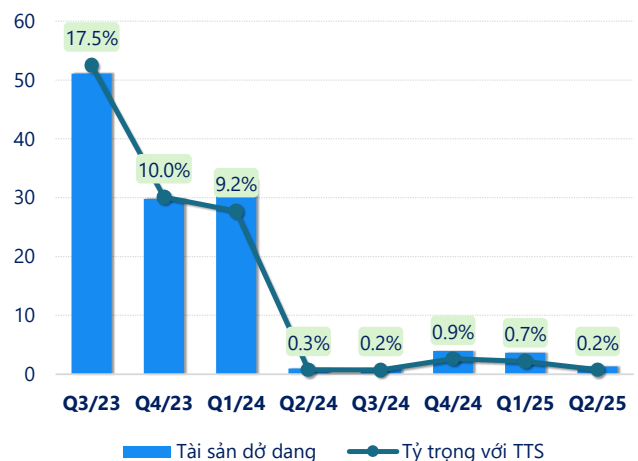
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

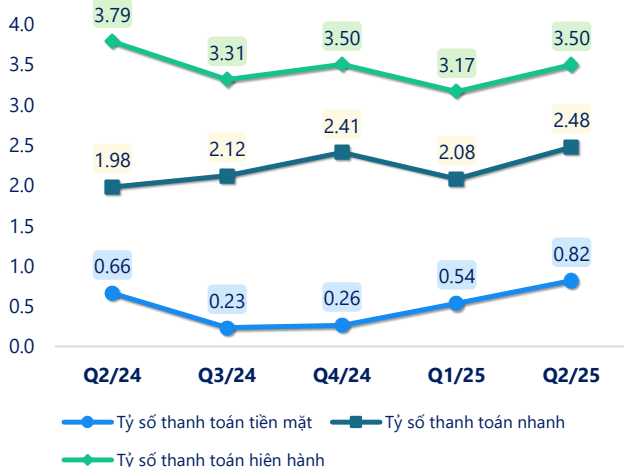
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

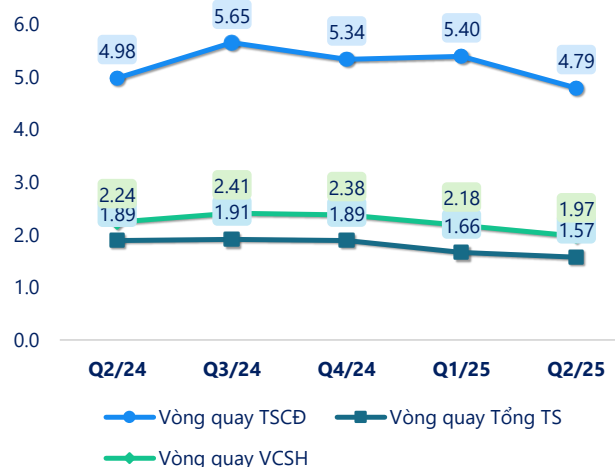
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	380	410	451	499	524
Tài sản ngắn hạn	225	257	287	330	354
Tiền và tương đương tiền	39.2	18.2	21.5	55.9	82.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	70.0	85.0	70.0	65.0
Phải thu ngắn hạn	58.0	64.6	82.5	76.5	92.0
Hàng tồn kho	107	92.3	89.4	113	104
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	11.5	8.37	14.2	10.8
Tài sản dài hạn	155	153	164	169	170
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	145	142	146	148	152
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.96	1.01	3.97	3.66	1.31
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.20	10.7	14.0	17.6	16.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	63.0	80.9	105	125	120
Nợ ngắn hạn	59.4	77.4	81.9	104	101
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	20.3	43.8	33.6
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	21.6	18.2	21.8	13.7
Nợ dài hạn	3.59	3.54	23.1	21.0	19.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	317	329	346	373	404
Vốn chủ sở hữu	317	329	346	373	404
Vốn điều lệ	71.5	71.5	71.5	71.5	71.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)